

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 23/02/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiên
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, **Thành phố Hồ Chí Minh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 482/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Trụ sở: **số D và D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Có ông **Lê Thương T** – Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 161.01/2023/UQ-OCB ngày 30/5/2023.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Ngọc L**, sinh năm 1972

Địa chỉ: **3 N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** (sau đây viết tắt là **Ngân hàng O**) có ông **Lê Thương T** là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông **Huỳnh Ngọc L** đã ký kết Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 với **Ngân hàng TMCP P (O)** để vay vốn, chi tiết như sau: Số tiền vay: 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng); Mục đích vay: Vay mua Xe FORD RANGER DBL 2.0 STG5 10AT 4X4 RAPTOR Theo Hợp đồng mua bán Ôtô số: 038/04/2022/HĐMB-THF ngày 20/04/2022; Thời hạn vay : 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;

Lãi suất vay: Tiền lãi được tính trên cơ sở 1 năm là 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365; Lãi suất vay trong hạn 10,1 %/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 04/05/2023 với công thức tính lãi như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) là: lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ; Biên độ tối thiểu (2): 3,9 %/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Việc giải ngân được thực hiện thông qua các Khế ước nhận nợ số: TDCN22008452/2022/PBT/KUNN ngày 04/05/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Huỳnh Ngọc L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa OCB với ông Huỳnh Ngọc L. Tổng nghĩa vụ nợ của ông Huỳnh Ngọc L tại OCB phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 944.197.331 đồng, trong đó: Nợ gốc: 890.000.000 đồng; Nợ lãi: 54.197.331 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Huỳnh Ngọc L vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, ông Huỳnh Ngọc L đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng O.

Nay Ngân hàng O kính đề nghị Q Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau: Buộc ông Huỳnh Ngọc L trả cho Ngân hàng O tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 944.197.331 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc là 890.000.000 đồng, Nợ lãi là 54.197.331 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 26/05/2023 cho đến khi ông Huỳnh Ngọc L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P. Yêu cầu ông L thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông L vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P có ông Lê Thương T là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Huỳnh Ngọc L vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P có ông Lê Thương T là đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Ngọc L trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số

TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 944.197.331 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc là 890.000.000 đồng, Nợ lãi là 54.197.331 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 26/05/2023 cho đến khi ông **Huỳnh Ngọc L** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho **Ngân hàng TMCP P**. Yêu cầu ông **L** thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản bảo đảm của khoản vay là xe Ô tô tải FORD RANGER DBL 2.0 STG5 10AT 4X4 RAPTOR biển số đăng ký 51D719.59 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50131974 do **Phòng C – công an Thành phố H** cấp ngày 29/4/2022 thì **Ngân hàng O** không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm trong vụ án này, **Ngân hàng O** sẽ tiến hành khởi kiện về tài sản bảo đảm tại một vụ án khác.

Bị đơn ông **Huỳnh Ngọc L** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 482/2023/TB-TLVA ngày 10/11/2023. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng ông **T1**, bà **K** đều vắng mặt không có lý do. Ông **L** cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp về dân sự mà cụ thể là “tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền:

Xét, ông **Huỳnh Ngọc L** có hộ khẩu thường trú tại **3 N, Phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về yêu cầu của các bên đương sự:

2.1. Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ gốc: Tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 quy định về chuyển nợ quá hạn và Điều 8 quy định về chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn.

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.” Do ông **Huỳnh Ngọc L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 10/01/2023 nên **Ngân hàng O** chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoản cấp tín dụng chưa thanh toán đối với ông **L** là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN22008452/2022/PBT/KUNN ngày 04/05/2022 cho thấy ông **Huỳnh Ngọc L** có ký hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** để vay số tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng); Mục đích vay: Vay mua Xe FORD RANGER DBL 2.0 STG5 10AT 4X4 RAPTOR Theo Hợp đồng mua bán bán ô tô số: 038/04/2022/HĐMB-THF ngày 20/04/2022; Thời hạn vay : 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Việc giải ngân được thực hiện thông qua các Khế ước nhận nợ số: TDCN22008452/2022/PBT/KUNN ngày 04/05/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông **Huỳnh Ngọc L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và tại khoản 9 Điều 1 Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa OCB với ông **Huỳnh Ngọc L**.

Tổng nghĩa vụ nợ của ông **Huỳnh Ngọc L** tại **Ngân hàng O** phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 944.197.331 đồng, trong đó: Nợ gốc: 890.000.000 đồng; Nợ lãi: 54.197.331 đồng.

Do đó, xét việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **L** phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 890.000.000 đồng đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về số nợ lãi: Tại khoản 2 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 của Khế ước nhận nợ số: TDCN22008452/2022/PBT/KUNN ngày 04/05/2022 các bên có thỏa thuận lãi suất vay: Tiền lãi được tính trên cơ sở 1 năm là 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất

(%/năm)) : 365; Lãi suất vay trong hạn 10,1 %/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 04/05/2023 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) là: lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ; Biên độ tối thiểu (2): 3,9 %/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”

Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng nêu: “... *Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.*”

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1** quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...*” thì mức lãi suất 10,1 %/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần do các bên thỏa thuận là hoàn toàn phù hợp.

Xét việc ông **Huỳnh Ngọc L** đã cam kết trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn, thực tế đã thanh toán được cho **Ngân hàng O** tổng số tiền 133.625.566 đồng trong đó: nợ gốc là 70.000.000 đồng; nợ lãi là 63.625.566 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 10/01/2023 ông **L** đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nữa là đã vi phạm thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số TDCN22008452/2022/PBT/HĐTD ngày 04/05/2022 và tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 của Khế ước nhận nợ số: TDCN22008452/2022/PBT/KUNN ngày 04/05/2022. Do đó việc **Ngân hàng O** yêu cầu ông **Huỳnh Ngọc L** phải thanh toán số tiền lãi còn lại tạm tính đến ngày 25/05/2023 là 54.197.331 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.2. Về tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ theo Đơn yêu cầu đề ngày 28/12/2023 của **Ngân hàng O** thể hiện: Về tài sản bảo đảm của khoản vay là xe Ô tô tải FORD RANGER DBL 2.0 STG5 10AT 4X4 RAPTOR biển số đăng ký 51D719.59 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50131974 do **Phòng C – công an Thành phố H** cấp ngày 29/4/2022 thì **Ngân hàng O** không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm trong vụ án này, **Ngân hàng O** sẽ tiến hành khởi kiện về tài sản bảo đảm tại một vụ án khác. Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3 Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn **Ngân hàng O** đề nghị Tòa án buộc ông **Huỳnh Ngọc L** trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng O** buộc ông **Huỳnh Ngọc L** có nghĩa vụ trả số tiền ngày

25/05/2023 là 944.197.331 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc là 890.000.000 đồng, N lãi là 54.197.331 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông Huỳnh Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P được chấp nhận số tiền là 40.325.920 (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi) đồng. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 299, Điều 320, Điều 323; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P :

Buộc ông Huỳnh Ngọc L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm tính đến hết ngày 25/05/2023 là 944.197.331 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc là 890.000.000 đồng, Nợ lãi là 54.197.331 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2023 ông Huỳnh Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc L phải chịu 40.325.920 (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 20.162.960 (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi) đồng là tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000664 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn